TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày: 10-07-2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kiên Nhẫn
2. Bà Nguyễn Thị Sương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình**,** tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-DS, ngày 29/02/2024 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 15/05/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐ-KDTM, ngày 14/06/2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: **Công ty TNHH T3**

Địa chỉ: Đường số A, Khu công nghiệp H, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **LU WAN SHENG** – Chức vụ: Phó Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu phố E, Phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Theo văn bản uỷ quyền ngày 02/10/2023, có mặt*).

- *Bị đơn*: **Công ty TNHH MTV T4**

Địa chỉ: Số E, tổ C, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Mai Công T1** – Chức vụ: Giám đốc (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023, 20/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH T3 có chị Trần Thị Thanh T làm đại diện trình bày:

Công ty TNHH T3 (gọi tắt Công ty T3) và Công ty TNHH MTV T4 (gọi tắt Công ty T4) có ký kết các Hợp đồng kinh tế số 313/22-HĐKT, ngày 11/10/2022 về việc mua bán nhiều máy biến áp, trị giá 614.894.760đ, sau đó có chuyển và đã thanh toán nhiều lần nên đến ngày 21/12/2022 thì còn nợ 144.411.120đ, phía Công ty T4 tiếp tục mua một máy biến áp nữa, giá trị của máy 347.107.680đ. Theo Điều 6 hợp đồng quy định phương thức thanh toán "*Đặt cọc 20% khi ký hợp đồng, thanh toán 80% còn lại trong vòng 40 ngày giao hàng*". Công ty T3 đã bán 01 máy biến áp-3P50Hz800, hoá đơn ký hiệu số 1C22TSH số 00000607, xuất ngày 22/12/2022 đã giao hàng hoá, chứng từ đúng thời gian và đúng địa điểm như trong hợp đồng kinh tế và theo yêu cầu của Công ty T4.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T4 đã thanh toán được các lần như sau: Ngày 21/12/2022: Đặt cọc số tiền 69.421.536đ, còn lại số tiền là 422.097.264đ (nợ cũ và nợ mới); ngày 28/04/2023 thì Công ty T4 tiếp tục thanh toán 180.513.900đ, nên còn nợ lại là 241.583.364đ.

Đến ngày 08/06/2023 thì hai bên Công ty mới ngồi lại đối chiếu công nợ thì Công ty T4 cũng thừa nhận còn nợ 241.583.364đ. Sau đó Công ty T4 có chuyển cho Công ty T3 số tiền 02 lần là 100.000.000đ (ngày 23/10/2023 và ngày 05/02/2024), nên còn nợ lại là 141.583.364đ, nhưng đến nay Công ty T4 vẫn không thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng cho Công ty T3 là 141.583.364đ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính của công ty. Công ty T3 đã nhiều lần liên lạc điện thoại nhưng Công ty T4 nhiều lần vi phạm thanh toán. Tuy nhiên đến nay Công ty T4 vẫn không thanh toán số tiền còn lại cho Công ty.

Công ty TNHH T3 yêu cầu Công ty TNHH MTV T4 trả số tiền 165.836.594đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 141.583.364đ, phạt vi phạm là 11.326.669đ, tiền lãi tính từ ngày 02/02/2023 đến ngày 02/01/2024 là 11 tháng là 12.926.561đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Trong Biên bản hòa giải ngày 15/05/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH MTV T4 có anh Mai Mẫn T2 làm đại diện trình bày:

Qua yêu cầu của Công ty TNHH T3 thì Công ty TNHH MTV T4 đồng ý trả số tiền 165.836.594đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 141.583.364đ, phạt vi phạm là 11.326.669đ, tiền lãi tính từ ngày 02/02/2023 đến ngày 02/01/2024 là 11 tháng là 12.926.561đ, nhưng xin trả trong vòng 45 ngày, tính từ ngày 15/05/2024.

- *Tại phiên tòa,* nguyên đơn Công ty TNHH T3 có chị Trần Thị Thanh T trình bày: Ngày 09/07/2024, bị đơn Công ty TNHH MTV T4 có trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ, nên nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn Công ty TNHH MTV T4 phải thanh toán công nợ gốc và tiền lãi, tiền phạt vi phạm hợp đồng với tổng số tiền là 65.836.594đ (*Sáu mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng*). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Công ty TNHH MTV T4 vắng mặt nên không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 217, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự2 Điều 4, khoản 1 Điều 24, 34, 35, 37, 42, 50, 301, 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T3

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV T4 phải trả số tiền là 65.836.594đ (*Sáu mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng*).

Đình chỉ số tiền nguyên đơn rút lại yêu cầu là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*)

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí là 3.291.800đ.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng hóa chưa thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn hoạt động kinh doanh có giấy phép theo đúng quy định của pháp luật, cả hai xác lập hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận. Do đó xác định đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp kinh doanh thương mại về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, bị đơn có địa chỉ tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và ý kiến của đại diện nguyên đơn trình bày, xem xét đánh giá chứng cứ do đương sự cung cấp gồm: Hợp đồng kinh tế số 313/22-HĐKT, ngày 11/10/2022; biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/06/2023. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng nêu trên do đại diện theo pháp luật các bên ký kết có nội dung tự nguyện và hình thức phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng nêu trên có hiệu lực và được xác nhận công nợ là có, nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thực hiện hợp đồng, bên Công ty T3 đã thực hiện đầy đủ nội dung và nghĩa vụ theo hợp đồng, cụ thể đã ra Phiếu xuất kho và giao hàng hóa cho phía công ty T4 và có ký nhận hàng hóa đúng theo hợp đồng có chữ ký của bên nhận hàng là ông Mai Công T1 đại diện theo pháp luật của Công ty T4.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào hợp đồng các bên ký kết, tại Điều 6, 7, 8 cửa Hợp đồng kinh tế thì nguyên đơn đã giao hàng hóa và bị đơn thì chưa thanh toán đầy đủ số tiền còn lại cho nguyên đơn, việc nguyên đơn khởi kiện có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 141.583.364đ.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng giữa các bên ký kết không thỏa thuận tính lãi từ ngày nào, do các bên có tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/06/2023 nên có căn cứ buộc bị đơn chịu lãi suất tính lãi từ ngày 08/06/2023.

Mức lãi suất chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu 10%/năm (0,83%/tháng). Tuy nhiên theo Điều 306 của Luật thương mại năm 2005 quy định như sau: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*", nên mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) và thời hạn tính lãi từ 02/02/2023 đến ngày 02/01/2024 là 11 tháng và được tính như sau: Từ 02/02/2023 đến ngày 02/01/2024 là (141.853.364đ x 11 tháng x 0,83%) = 12.951.212đ, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu 12.926.561đ, là có lợi cho bị đơn và có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng giữa các bên ký kết có thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng, do đó căn cứ hợp đồng các bên ký kết và quy định tại Điều 301 của Luật thương mại 2005, tính phạt vi phạm cho nguyên đơn đối với số tiền chậm thanh toán là (141.853.364đ x 8%) = 11.348.269đ, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu 11.326.669đ, là có lợi cho bị đơn và có căn cứ chấp nhận.

Trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, bị đơn đều xác nhận việc nguyên đơn Công ty T3 đã giao hàng hóa và đã thanh toán một phần tiền nợ mua bán hàng hóa, hiện tại còn nợ là số tiền 165.836.594đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 141.583.364đ, phạt vi phạm là 11.326.669đ, tiền lãi tính từ ngày 02/02/2023 đến ngày 02/01/2024 là 11 tháng là 12.926.561đ, nhưng xin trả trong vòng 45 ngày, tính từ ngày 15/05/2024, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày là bị đơn đã trả được 100.000.000đ, nguyên đơn rút lại số tiền 100.000.000đ, nên Hội đồng xét xử đình chỉ số tiền này, không đặt ra giải quyết, chỉ yêu cầu trả số tiền 65.836.594đ. Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án và phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận, nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 65.836.594đ.

[2]. *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.291.800đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 92, 217, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 24, 34, 35, 37, 42, 50, 301, 306 của Luật

thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T3

[1]. Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV T4 có nghĩa vụ thanh toán nguyên đơn Công ty TNHH T3 số tiền còn nợ theo hợp đồng số 313/22-HĐKT, ngày 11/10/2022 là 65.836.594đ (*Sáu mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng*)

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn rút lại đối với số tiền bị đơn đã thanh toán là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

[3]. *Về án phí*: Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV T4 phải nộp 3.291.800đ (*Ba triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho C Công ty TNHH T3 số tiền tạm ứng án phí là 5.612.000đ (*Năm triệu, sáu trăm mười hai nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số No 0013928, ngày 29/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *Chi cục THADS huyện Tam Bình*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo